

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH NHẬT PHÚ MỸ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MINH NHẬT PHÚ MỸ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502442663

**3. Ngày thành lập:** 03/12/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn 4 , Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                             | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                     | 4101        |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                               | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                         | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                          | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                   | 4222        |
| 6.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                            | 4299        |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                     | 4312(Chính) |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                        | 4329        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                        | 4330        |
| 11. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                   | 4390        |
| 12. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng               | 4663        |
| 13. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao     | 2395        |
| 14. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                   | 4662        |
| 15. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                        | 4933        |
| 16. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                               | 5012        |
| 17. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                   | 5022        |
| 18. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                           | 5210        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                   | 5229        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                            |                                                              |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 20. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan chi tiết:<br>+ Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác<br>+ Bán buôn dầu thô<br>+ Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan<br>+ Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan | 4661                                                         |
| 21. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                        | 4511                                                         |
| 22. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                         | 4530                                                         |
| 23. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                             | 4520                                                         |
| 24. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                          | 3600                                                         |
| 25. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                              | 3700                                                         |
| 26. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                                           | 3830                                                         |
| 27. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                                          | 3900                                                         |
| 28. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                          | 4669                                                         |
| 29. | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp                                                                                                                                                                                     | 0210                                                         |
| 30. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                       | 5629                                                         |
| 31. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                  | 5510                                                         |
| 32. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                      | 6810                                                         |
| 33. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản                                                                                                                               | 6820                                                         |
| 34. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa                                                                                                                                                                  | 4610                                                         |
| 35. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                             | 3811                                                         |
| 36. | Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.          | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN MINH | Thôn 4, Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông         | 3.000.000  | 30.000.000.000        | 30,000    | 273223432                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 3.000.000  | 30.000.000.000        | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ TẤN TOÀN     | Tổ 25, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     | 251257419                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần phổ thông         | 500.000    | 5.000.000.000         | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 500.000    | 5.000.000.000         | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                      |                           |           |                |        |              |
|---|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 3 | BÙI KIM CHUNG   | Khu phố Phước Sơn, Phường Phước Hoà, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 3.000.000 | 30.000.000.000 | 30,000 | 273611122    |
|   |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 3.000.000 | 30.000.000.000 | 30,000 |              |
|   |                 |                                                                                      |                           |           |                |        |              |
| 4 | NGUYỄN VĂN DŨNG | Thôn 4, Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông         | 3.000.000 | 30.000.000.000 | 30,000 | 036077005499 |
|   |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 3.000.000 | 30.000.000.000 | 30,000 |              |
|   |                 |                                                                                      |                           |           |                |        |              |
| 5 | PHAM THÀNH TÂM  | Khu phố Phước Sơn, Phường Phước Hoà, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 500.000   | 5.000.000.000  | 5,000  | 077200000541 |
|   |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                      | Tổng số                   | 500.000   | 5.000.000.000  | 5,000  |              |
|   |                 |                                                                                      |                           |           |                |        |              |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

Thời gian đăng từ ngày 03/12/2020 đến ngày 02/01/2021

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/01/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 273223432

Ngày cấp: 17/07/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn 4, Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu